

Số: 4413 /QĐ-BNN-TCTS

Hà Nội, ngày 04 tháng 11 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch hành động của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ ban hành Kế hoạch tổng thể và kế hoạch 5 năm của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 15/2017/NĐ-CP ngày 17/02/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về “Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045” (Nghị quyết số 36-NQ/TW);

Căn cứ Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ ban hành “Kế hoạch tổng thể và kế hoạch 5 năm của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045” (Nghị quyết số 26-NQ/CP);

Căn cứ Nghị quyết số 944-NQ/BCSĐ ngày 25/11/2019 của Ban cán sự đảng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn triển khai thực hiện “Nghị quyết số 36-NQ/TW, ngày 22/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045” trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy sản và Vụ trưởng Vụ Kế hoạch.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch hành động của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ ban hành Kế hoạch tổng thể và kế hoạch 5 năm của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 146/QĐ-BNN-KH ngày 09/01/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 3: Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch, Tổng cục trưởng các Tổng cục: Thủy sản; Thủy lợi; Lâm nghiệp; Phòng, chống thiên tai, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan thuộc Bộ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: TNMT, KHĐT, TC;
- Website Bộ NN&PTNT;
- Lưu: VT, TCTS.



BỘ TRƯỞNG

[Handwritten signature]
Nguyễn Xuân Cường

KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG

**Thực hiện Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ ban hành
Kế hoạch tổng thể và kế hoạch 5 năm của Chính phủ thực hiện Nghị quyết
số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về
Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030,
tầm nhìn đến năm 2045**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BNN-TCTS
ngày tháng năm của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

Thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (Nghị quyết số 36-NQ/TW); Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ ban hành “Kế hoạch tổng thể và kế hoạch 5 năm của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045” (Nghị quyết số 26-NQ/CP); Nghị quyết số 944-NQ/BCSD ngày 25/11/2019 của Ban cán sự đảng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn triển khai thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW (Nghị quyết số 944-NQ/BCSD), Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Kế hoạch hành động với những nội dung sau:

A. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

I. MỤC ĐÍCH

1. Quán triệt sâu sắc và cụ thể hóa các quan điểm, mục tiêu, chủ trương lớn, khâu đột phá, giải pháp được đề ra trong Nghị quyết số 36-NQ/TW và những nội dung, giải pháp được nêu trong Nghị quyết số 26-NQ/CP; góp phần sớm đưa Nghị quyết số 36-NQ/TW vào cuộc sống.

2. Xác định rõ các nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách cần ưu tiên thực hiện đối với từng lĩnh vực trong ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong giai đoạn đến năm 2025, kế hoạch tổng thể đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Từ đó xây dựng các nội dung công việc, thời hạn, tiến độ hoàn thành và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức có liên quan trong việc tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch hành động đảm bảo đồng bộ, kịp thời và thống nhất.

3. Triển khai nghiêm túc, có chất lượng các nhóm giải pháp đề ra trong Nghị quyết số 36-NQ/TW; Nghị quyết số 26-NQ/CP và Nghị quyết số 944-NQ/BCSD để đạt được các mục tiêu đã đề ra. Xác định cơ chế phối hợp giữa các

cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong việc tiến hành các hoạt động triển khai thực hiện Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW.

II. YÊU CẦU

1. Việc xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch hành động phải đảm bảo đầy đủ nội dung, cụ thể hóa các nhiệm vụ và giải pháp của Nghị quyết số 36-NQ/TW; Nghị quyết số 26-NQ/CP; Nghị quyết số 944-NQ/BCSD ngày 25/11/2019 của Ban cán sự đảng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn triển khai thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW đến các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương nhằm tạo đồng thuận và quyết tâm cao trong triển khai, thực hiện Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn.

2. Các nhiệm vụ, giải pháp đề ra trong Kế hoạch hành động phải xác định được trọng tâm, trọng điểm, đồng bộ với các kế hoạch, chiến lược, chương trình, đề án phát triển ngành; đảm bảo tích hợp, lồng ghép, không trùng lặp, kế thừa kết quả thực hiện trong giai đoạn trước của các nhiệm vụ đang triển khai cả những nhiệm vụ đề xuất mới. Ưu tiên tập trung nguồn lực để triển khai thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm cho giai đoạn 2020-2025; xác định một số nhiệm vụ cụ thể cho giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2045 mang tính định hướng lâu dài theo đúng tinh thần của Nghị quyết số 36-NQ/TW; Nghị quyết số 26-NQ/CP.

3. Căn cứ các nhiệm vụ, giải pháp trong Kế hoạch hành động, các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương xây dựng và triển khai các nhiệm vụ cụ thể, chi tiết; đồng thời, tổ chức thực hiện hiệu quả nhằm góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ đã đặt ra trong các Nghị quyết, Chương trình hành động của Bộ.

B. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

I. HOÀN THIỆN THỂ CHẾ, CHÍNH SÁCH, CHIẾN LƯỢC, QUY HOẠCH, KẾ HOẠCH VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG KINH TẾ BIỂN

1. Đến năm 2025

- Rà soát, hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn phục vụ phát triển kinh tế biển theo hướng phát triển bền vững, bảo đảm tính khả thi, đồng bộ, thống nhất, phù hợp với chuẩn mực luật pháp và các hiệp định, điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia.

- Tạo hành lang pháp lý thuận lợi để huy động các nguồn lực trong và ngoài nước cho đầu tư xây dựng hạ tầng, phát triển khoa học, công nghệ, nguồn nhân lực và chuyển giao các ứng dụng khoa học, công nghệ tiên tiến trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn, nhất là các lĩnh vực phục vụ phát triển kinh tế biển.

- Xây dựng và hoàn thiện đồng bộ các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, đề án liên quan đến phát triển kinh tế biển, trong đó tập trung xây dựng và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt:

+ Chiến lược Phát triển thủy sản Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Chiến lược phát triển lâm nghiệp giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến 2050;

+ Quy hoạch Bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quy hoạch hệ thống cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quy hoạch Lâm nghiệp quốc gia 2021-2030, tầm nhìn 2050;

+ Đề án phát triển nuôi biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Đề án chuyển đổi một số nghề khai thác hải sản ảnh hưởng đến nguồn lợi và môi trường sinh thái;

+ Chương trình phát triển kinh tế thủy sản bền vững giai đoạn 2021-2025; Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021-2025; Chương trình cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư giai đoạn 2021-2025;

+ Nghị định của Chính phủ về chính sách đầu tư bảo vệ và phát triển rừng, chế biến và thương mại lâm sản trong lâm nghiệp;

+ Nghị định của Chính phủ hướng dẫn thực hiện Luật sửa đổi, bổ sung Luật Đê điều và Luật Phòng chống thiên tai;

+ Nghị định của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản.

- Xác định phạm vi, ranh giới quản lý thủy sản giữa các địa phương có biển, bảo đảm phù hợp với quy hoạch không gian biển quốc gia và quy định của pháp luật về biển.

- Kiện toàn hệ thống tổ chức bộ máy cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản từ trung ương đến địa phương; hệ thống tổ chức bộ máy của cơ quan Kiểm ngư Trung ương và Kiểm ngư tỉnh.

- Tổ chức tuyên truyền, giáo dục, phổ biến chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển lâm nghiệp thủy sản bền vững và phòng chống thiên tai, về biển và hải đảo tới nhân dân trong nước, kiều bào ta ở nước ngoài và cộng đồng quốc tế.

2. Định hướng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

Tiếp tục hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn phục vụ phát triển kinh tế biển theo hướng phát triển bền vững, bảo đảm tính khả thi, đồng bộ, thống nhất, phù hợp với chuẩn mực luật pháp và các hiệp định, điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia.

Tổ chức triển khai đồng bộ, hiệu quả các chính sách, chiến lược, quy hoạch,

kế hoạch phát triển bền vững kinh tế biển theo quan điểm, mục tiêu của Nghị quyết số 36-NQ/TW và kế hoạch tại Nghị quyết số 26-NQ/CP.

Tiếp tục tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục, phổ biến, nâng cao nhận thức về chính sách, pháp luật về biển.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ, các Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương chủ trì thực hiện một số nhóm nhiệm vụ trọng tâm để phục vụ phát triển kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, như sau:

1. Phòng, chống thiên tai, sạt lở

a) Đến năm 2025

- Về phi công trình

Hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, hướng dẫn thi hành pháp luật; cơ chế, chính sách về phòng, chống thiên tai; quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm soát đảm bảo an toàn trước thiên tai.

Kiện toàn tổ chức bộ máy phòng, chống thiên tai các cấp, trong đó chú trọng các địa phương ven biển theo hướng đồng bộ, chuyên nghiệp, trên cơ sở sắp xếp lại bộ máy tổ chức thực hiện hiện có, không tăng thêm đầu mối, biên chế.

Nâng cao năng lực tham mưu công tác phòng, chống thiên tai từ biển, đầu tư cơ sở hạ tầng, vật chất, trang thiết bị, xây dựng công cụ hỗ trợ; đào tạo, tập huấn nâng cao kỹ năng nghiệp vụ đội ngũ cán bộ.

Nâng cao nhận thức cộng đồng, thông tin, truyền thông và đào tạo về phòng, chống thiên tai từ biển.

Kiểm soát việc đảm bảo an toàn trước khi thiên tai đối với khu vực ven biển, trên đảo; lập và rà soát kế hoạch, quy hoạch đảm bảo yêu cầu phòng, chống thiên tai từ biển, hạn chế tối đa các tác động của hạ tầng đến đường bờ biển, cồn cát ven biển.

Xây dựng quy định, chính sách để lồng ghép việc quản lý quy hoạch sử dụng đất và quy hoạch xây dựng, dân cư vùng ven biển, trên đảo đảm bảo an toàn trước thiên tai.

Ứng dụng khoa học công nghệ, hợp tác quốc tế trong quan trắc theo dõi, giám sát, chỉ đạo điều hành phòng, chống thiên tai từ biển.

Phân vùng cụ thể các khu vực để xây dựng các phương án, kế hoạch sản xuất phù hợp, thích ứng với các thiên tai từ biển.

- Về công trình

Xây dựng, tu bổ, nâng cấp, nâng cao sức chống chịu của cơ sở hạ tầng phòng, chống thiên tai từ biển như: Hoàn thành chương trình nâng cấp đê biển từ Quảng Ninh đến Quảng Nam và từ Quảng Ngãi đến Kiên Giang có tính kết hợp

phát triển hạ tầng, giao thông.

Xây dựng các công trình phòng, chống xói lở bờ biển, bồi lấp cửa sông, kiểm soát mặn.

Xây dựng hệ thống quan trắc chuyên dùng phòng, chống thiên tai từ biển như: Trạm trực canh cảnh báo bão, áp thấp nhiệt đới, trạm giám sát ngập mặn.

Thực hiện di dời dân cư vùng thiên tai khu vực đang sạt lở đến nơi an toàn.

Lồng ghép xây dựng cơ sở hạ tầng ven biển.

b) Định hướng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

- Tiếp tục triển khai thực hiện các kế hoạch, quy hoạch đảm bảo yêu cầu phòng, chống thiên tai từ biển; xây dựng, hoàn thiện hệ thống các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật phục vụ quản lý trong công tác phòng, chống thiên tai; thực hiện công tác đầu tư cơ sở hạ tầng, hệ thống quan trắc chuyên dùng phòng, chống thiên tai, sạt lở từ biển; nâng cao nhận thức cộng đồng, thông tin, truyền thông và đào tạo về phòng, chống thiên tai từ biển.

- Định kỳ rà soát, đánh giá, sửa đổi, bổ sung các chính sách, pháp luật liên quan đến lĩnh vực phòng, chống thiên tai đảm bảo an toàn trên biển.

2. Lâm nghiệp

a) Đến năm 2025

- *Về giáo dục nâng cao nhận thức*

Phổ biến, tuyên truyền cho mọi thành phần trong xã hội, thống nhất, nhận thức về vai trò, chức năng và tầm quan trọng đặc biệt của hệ sinh thái rừng ven biển trong phát triển kinh tế bền vững, tăng trưởng xanh, bảo tồn đa dạng sinh học, ứng phó với biến đổi khí hậu và nước biển dâng.

- *Về tăng cường công tác quản lý, bảo vệ rừng*

Bảo vệ toàn bộ diện tích rừng ven biển hiện có.

Tăng cường công tác bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng; ngăn chặn và xử lý kịp thời, có hiệu quả các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng.

Giám sát, đôn đốc các địa phương thực hiện nghiêm Chi thị số 13- CT/TW ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa XII về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; Nghị quyết số 71/NQ-CP, ngày 08/8/2017 của Chính phủ về Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Chi thị số 13-CT/TW.

Xây dựng cơ sở dữ liệu rừng ven biển để phục vụ công tác theo dõi, quản lý chặt chẽ rừng ven biển.

- *Về phát triển rừng*

Triển khai có hiệu quả kế hoạch trồng rừng, phục hồi rừng ven biển.

Tiếp tục tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 120/QĐ-TTg ngày 22/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Đề án bảo vệ và phát triển rừng ven biển ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2015- 2020”. Năm 2020, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Quyết định số 120/QĐ-TTg, ngày 22/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ; Xây dựng “Đề án bảo vệ và phát triển rừng ven biển ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến 2030”.

Hoàn thiện các hướng dẫn kỹ thuật và tổ chức tập huấn kỹ thuật trồng, chăm sóc rừng ven biển; kỹ thuật sản xuất nông, lâm ngư nghiệp phù hợp với điều kiện của vùng ven biển, thích ứng với biến đổi khí hậu nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và phát huy giá trị của từng loại rừng ven biển; xây dựng các mô hình canh tác tổng hợp (rừng, thủy sản, nông lâm kết hợp) bền vững, hiệu quả thay thế các mô hình quảng canh, năng suất, chất lượng thấp; phát triển và sử dụng hợp lý các loài lâm sản ngoài gỗ gắn với bảo vệ và phát triển rừng ven biển.

Thực hiện chi trả dịch vụ môi trường rừng theo Nghị định số 156/2018/NĐ-CP, ngày 16/11/2018 của Chính phủ; mở rộng phạm vi, đối tượng chi trả dịch vụ môi trường rừng là: các cơ sở nuôi trồng thủy sản có sử dụng nước từ rừng; dịch vụ hấp thụ và lưu trữ các bon của rừng.

b) Định hướng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

- Tiếp tục thực hiện đồng bộ các kế hoạch, giải pháp về giáo dục nâng cao nhận thức, tăng cường công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.

- Xây dựng “Đề án bảo vệ và phát triển rừng ven biển ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2025-2030, tầm nhìn đến 2045”.

3. Thủy sản

a) Đến năm 2025

- *Về đầu tư cơ sở hạ tầng thủy sản:*

Xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện các chính sách ưu tiên đầu tư các công trình cơ sở hạ tầng thủy sản phục vụ phát triển kinh tế biển như khai thác thủy sản, nuôi biển, các công trình trên các vùng hải đảo và các ngư trường trọng điểm; khuyến khích thu hút đầu tư nước ngoài, các doanh nghiệp tư nhân và đặc biệt là hình thức hợp tác công tư trong các lĩnh vực thủy sản như nuôi trồng, khai thác, chế biến, bảo quản, xuất khẩu hải sản, hiện đại hóa hệ thống hậu cần nghề cá.

Đầu tư hạ tầng phục vụ nuôi trồng thủy sản gồm:

+ Đầu tư hạ tầng phát triển vùng nuôi biển phù hợp với điều kiện môi trường và kinh tế xã hội ở các vùng ven biển, đảo (tôm hùm, cá biển...).

+ Nâng cao hiệu quả kiểm soát phòng trừ dịch bệnh: Đầu tư hệ thống quan trắc môi trường và cảnh báo dịch bệnh thủy sản (3 trung tâm tại 3 vùng).

Đầu tư hạ tầng phục vụ khai thác thủy sản:

+ Tiếp tục xây dựng cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá theo Quyết định số 1976/QĐ-TTg, ngày 12/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê

duyet Quy hoạch hệ thống cảng cá và khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá đến năm 2020, định hướng đến năm 2030, đặc biệt là trên các đảo quan trọng nhằm hỗ trợ ngư dân khai thác hiệu quả trên các vùng biển xa bờ.

+ Đầu tư hệ thống thông tin quản lý nghề cá trên biển giai đoạn II theo Quyết định số 375/QĐ-TTg, ngày 1/3/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tổ chức lại sản xuất trong khai thác hải sản.

+ Thực hiện đầu tư hiệu quả xây dựng và phát triển 6 trung tâm nghề cá lớn, trong đó có 5 trung tâm nghề cá lớn gắn với các ngư trường trọng điểm theo Quyết định số 1445/QĐ-TTg, ngày 16/8/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển ngành thủy sản đến năm 2020, tầm nhìn 2030) bao gồm: Trung tâm nghề cá Hải Phòng, gắn với ngư trường Vịnh Bắc Bộ; Trung tâm nghề cá Đà Nẵng, gắn với ngư trường Biển Đông và Hoàng Sa; Trung tâm nghề cá Khánh Hòa, gắn với ngư trường Nam Trung Bộ và Trường Sa; Trung tâm nghề cá Bà Rịa - Vũng Tàu, gắn với ngư trường Đông Nam Bộ; Trung tâm nghề cá Kiên Giang, gắn với ngư trường Tây Nam Bộ.

Về nguồn lực đầu tư:

+ Ưu tiên nguồn vốn để tập trung đầu tư hoàn thành dứt điểm các dự án trọng điểm như: Cảng cá động lực thuộc các Trung tâm nghề cá lớn; khu neo đậu tránh trú bão; hệ thống thông tin quản lý tàu cá; trung tâm sản xuất giống và vùng nuôi trồng hải sản tập trung..., nhằm đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc thủy sản khai thác, góp phần tháo gỡ thẻ vàng của Ủy ban Châu Âu (EC).

+ Tập trung bố trí nguồn vốn đầu tư công cho ngành thủy sản trong đó ưu tiên đầu tư cơ sở hạ tầng lĩnh vực nuôi trồng và khai thác hải sản theo Nghị quyết số 836-NQ/BCSĐB ngày 17/7/2019 của Ban cán sự Đảng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

+ Xây dựng danh mục các dự án đầu tư hạ tầng nuôi trồng và khai thác hải sản ưu tiên theo hình thức PPP và ưu tiên bố trí vốn trong kế hoạch trung hạn 2021-2025.

+ Tiếp tục tranh thủ nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) để đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng nuôi trồng và khai thác hải sản, thống nhất chủ trương với các nhà tài trợ về sử dụng vốn ODA, coi đây là nguồn ngân sách nhà nước tham gia vào các dự án PPP.

- *Về phát triển nuôi trồng thủy sản:*

Chuyển đổi từ các mô hình nuôi trồng thủy sản quy mô nhỏ, công nghệ lạc hậu sang nuôi công nghiệp, quy mô lớn với công nghệ hiện đại, bền vững, bảo vệ môi trường; chuyển dịch ngư trường từ vùng biển ven bờ, nơi có hệ sinh thái đặc thù, nhạy cảm, nguồn lợi thủy sản có chiều hướng suy giảm và dễ chồng lấn với các hoạt động kinh tế khác ra vùng lộng và vùng khơi.

+ Tiếp tục phát triển mạnh nuôi trồng các đối tượng thủy sản tạo sản phẩm

chủ lực theo nhu cầu của thị trường, phù hợp với điều kiện của từng vùng sinh thái.

+ Hình thành các vùng nuôi trồng thủy sản tập trung có quy mô diện tích lớn phù hợp với thị trường, tạo sản lượng hàng hóa lớn phục vụ xuất khẩu và tiêu thụ trong nước, gắn với truy xuất nguồn gốc, xây dựng thương hiệu thủy sản uy tín, chất lượng cao.

+ Duy trì, phát triển các hình thức nuôi hữu cơ (nuôi sinh thái) để vừa tạo sản phẩm xuất khẩu chất lượng cao, vừa bảo vệ môi trường sinh thái và nguồn lợi thủy sản.

+ Phát triển nuôi biển thành một lĩnh vực sản xuất quy mô công nghiệp tạo khối lượng sản phẩm lớn phục vụ xuất khẩu, du lịch và tiêu thụ nội địa.

+ Ưu tiên phát triển nuôi trồng rong tảo biển và phát triển công nghệ chế biến, chiết xuất các sản phẩm giá trị cao từ rong, tảo biển.

Xây dựng và vận hành các mô hình nơi cư trú nhân tạo cho các loài sinh vật biển, mô hình nhà màng công nghệ cao có độ bền chịu biến đổi khí hậu biển, đảo và tận dụng các sản phẩm của các giải pháp xử lý môi trường, xử lý phụ phẩm thủy sản để nâng cao hiệu quả kinh tế và tăng thu nhập cho cộng đồng ngư dân trên các hải đảo, góp phần bảo vệ quốc phòng và an ninh trên các vùng biển, đảo.

+ Tổ chức các mô hình nuôi biển phù hợp như: mô hình quân dân kết hợp nuôi biển ven các đảo, quần đảo Trường Sa, Đá Tây, Bạch Long Vĩ, Cô Tô; mô hình đầu tư tư nhân; mô hình liên doanh, liên kết giữa các thành phần kinh tế.

+ Áp dụng các tiêu chuẩn kỹ thuật và công nghệ tiên tiến, công nghệ cao vào sản xuất giống, tập trung nguồn lực để tạo nguồn giống sạch bệnh, trước hết đối với tôm sú, tôm chân trắng,...

+ Mở rộng hệ thống quan trắc, cảnh báo môi trường và dịch bệnh tại các vùng nuôi trồng thủy sản; trước hết đối với các vùng nuôi tập trung.

Thành lập, hỗ trợ một số doanh nghiệp nông cốt khai thác, nuôi trồng, chế biến thủy sản ở vùng biển xa bờ và viễn dương.

- Về khai thác thủy sản

Tổ chức lại sản xuất khai thác hải sản trên biển, trên cơ sở cơ cấu lại tàu thuyền, nghề nghiệp phù hợp với các vùng biển, với môi trường tự nhiên, nguồn lợi hải sản:

+ Củng cố và phát triển các mô hình tổ chức sản xuất khai thác hải sản như: tổ đội sản xuất, hợp tác xã, các hình thức kinh tế tập thể, liên doanh, liên kết, các mô hình hậu cần dịch vụ thu mua sản phẩm trên biển.

+ Đổi mới xây dựng các hợp tác xã và liên minh hợp tác xã nghề cá theo hướng thật sự vì lợi ích của ngư dân, bảo vệ môi trường sinh thái bền vững, gắn kết cộng đồng, phát triển và ổn định xã hội vùng biển và hải đảo.

+ Hình thành một số doanh nghiệp, tập đoàn lớn đủ mạnh để hoạt động khai

thác hải sản xa bờ và hợp tác khai thác viễn dương với các nước trong khu vực.

+ Chuyển dịch mạnh hoạt động khai thác gần bờ ra xa bờ. Khuyến khích chuyển một bộ phận lớn lao động khai thác hải sản ven bờ sang hoạt động các ngành nghề khác như: du lịch, nuôi trồng thủy sản,...

Ưu tiên chuyển đổi một số nghề khai thác thủy sản có tính hủy diệt nguồn lợi thủy sản, các nghề cấm nhằm giảm cường lực khai thác hải sản trên các vùng biển.

Hiện đại hóa công tác quản lý nghề cá trên biển, đặc biệt sớm hoàn thiện hệ thống thông tin tàu cá nhằm chủ động cảnh báo, kịp thời ứng phó với các tai nạn, rủi ro trên biển, cứu hộ, cứu nạn.

Đào tạo nghề cho ngư dân, thuyền trưởng, máy trưởng đủ năng lực hoạt động dài ngày trên biển; gắn hoạt động khai thác hải sản với bảo vệ an ninh quốc phòng vùng biển.

Củng cố, phát triển ngành cơ khí đóng, sửa tàu cá, có lộ trình phù hợp chuyển nhanh các tàu cá vỏ gỗ sang vỏ thép, vật liệu mới,...phát triển công nghiệp phụ trợ phục vụ ngành cơ khí đóng tàu cá, các ngành sản xuất lưới sợi, ngư cụ phục vụ khai thác gắn với đầu tư nâng cấp, hiện đại hóa các cảng cá, bến cá, các khu neo đậu tránh trú bão, các khu hậu cần dịch vụ nghề cá ven biển và trên các hải đảo.

Xây dựng và thiết lập cơ chế, chính sách quản lý khai thác gắn với bảo vệ nguồn lợi thủy sản, bảo vệ môi trường. Chống đánh bắt cá bất hợp pháp, hủy diệt nguồn lợi.

- Về bảo tồn và phát triển nguồn lợi thủy sản:

Điều tra, đánh giá nguồn lợi thủy sản và môi trường sống của các loài thủy sản làm cơ sở quy hoạch, tổ chức sản xuất và quản lý đối với khai thác hải sản; nghiên cứu, áp dụng các phương pháp, ngư cụ, thiết bị khai thác tiên tiến, công nghệ bảo quản sau thu hoạch để nâng cao hiệu quả.

+ Xây dựng và tổ chức thực hiện Chương trình điều tra tổng thể nguồn lợi thủy sản và môi trường sống của các loài thủy sản; Chương trình điều tra nguồn lợi thủy sản theo chuyên đề.

+ Xây dựng và tổ chức thực hiện Chương trình quốc gia bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản theo Luật Thủy sản 2017. Thành lập Quỹ Bảo vệ và Phát triển nguồn lợi thủy sản theo Luật Thủy sản.

Tiếp tục hoàn thiện công tác thiết lập các khu bảo tồn biển được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 742/QĐ-TTg ; thành lập ban quản lý, đầu tư cơ sở hạ tầng 16 khu bảo tồn biển thuộc hệ thống khu bảo tồn biển Việt Nam hoạt động hiệu quả; xây dựng và triển khai các cơ chế, chính sách chuyển đổi nghề, tạo sinh kế bền vững cho cộng đồng dân cư sống trong và xung quanh khu bảo tồn biển.

Mở rộng phạm vi điều tra, thu thập số liệu về đa dạng sinh học, điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội tại các vùng biển, ven biển, ven đảo; hoàn thiện dữ liệu các khu vực có tiềm năng làm cơ sở đề xuất thành lập mới các khu bảo tồn biển.

Điều tra bổ sung làm cơ sở đề xuất điều chỉnh mở rộng diện tích, các phân khu chức năng của khu bảo tồn biển đã được quy hoạch, thành lập và các khu vực biển tiềm năng để thành lập mới các khu bảo tồn biển. Thiết lập và vận hành các khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản ở vùng ven bờ, vùng lộng.

Phối hợp với các quốc gia và các tổ chức quốc tế trong việc tìm kiếm các nguồn tài trợ, giúp đỡ về tài chính và kỹ thuật nhằm tăng cường năng lực trong công tác bảo tồn đa dạng sinh học biển tại vùng biển quốc gia và vùng biển quốc tế; nghiên cứu, đề xuất cơ chế, chính sách hợp tác xây dựng các khu bảo tồn biển liên quốc gia với các nước trong khu vực và các tổ chức quốc tế.

Tiếp tục hoàn thiện các ban quản lý và đầu tư cơ sở hạ tầng của 16 khu bảo tồn biển đã được phê duyệt trong quy hoạch hệ thống khu bảo tồn biển Việt Nam; xây dựng và thực hiện cơ chế, chính sách chuyên đổi nghề, tạo sinh kế cho cộng đồng dân cư tại các khu bảo tồn biển Cát Bà, Lý Sơn, Cù Lao Chàm, Hòn Mun, Phú Quốc.

+ Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch hành động quốc gia về đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

+ Rà soát, bổ sung danh mục các loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm; xây dựng và triển khai kế hoạch hành động quốc gia bảo tồn một số loài thủy sản nguy cấp như: Rùa biển, cá mập, cá đuối, động vật có vú ở biển.

Thực hiện các chương trình, đề án, dự án phục hồi và phát triển các hệ sinh thái san hô, thảm cỏ biển, đầm phá, bãi triều - cửa sông, rừng ngập mặn và rừng phòng hộ ven biển toàn quốc, trong đó ưu tiên các khu vực có tốc độ suy thoái nhanh.

+ Phục hồi hệ sinh thái như: Rạn san hô, cỏ biển, rừng ngập mặn, đầm phá, bãi triều, cửa sông. Xây dựng nơi cư trú nhân tạo cho loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm, loài thủy sản có giá trị kinh tế, khoa học; loài thủy sản bản địa, loài thủy sản đặc hữu.

+ Tổ chức thả bổ sung một số loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm, loài thủy sản có giá trị kinh tế, khoa học; loài thủy sản bản địa, loài thủy sản đặc hữu vào vùng nước tự nhiên.

+ Thực hiện cấm và hạn chế khai thác thủy sản có thời hạn trong vùng biển Việt Nam nhằm giảm áp lực khai thác đối với nguồn lợi thủy sản ven bờ, phục hồi nguồn lợi thủy sản; xây dựng chính sách hỗ trợ ngư dân trong thời gian tạm ngừng khai thác thủy sản và chuyển đổi nghề.

- Về khoa học công nghệ:

Ứng dụng công nghệ cao và tiết kiệm năng lượng phục vụ khai thác thủy sản nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất và thân thiện môi trường.

Đẩy mạnh ứng dụng khoa học tiên tiến, công nghệ cao trong đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng nuôi trồng và khai thác hải sản, góp phần nâng cao chất lượng công trình, hạ giá thành sản phẩm.

Nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao công nghệ tiên tiến, công nghệ cao, hệ thống trang thiết bị hiện đại vào nuôi biển, bảo quản sản phẩm nuôi biển nhằm tạo ra các sản phẩm chủ lực, sản phẩm quốc gia có chất lượng, nâng cao giá trị gia tăng và năng lực cạnh tranh của ngành thủy sản.

Nghiên cứu sinh sản nhân tạo một số loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm, có giá trị kinh tế, khoa học; loài thủy sản bản địa, đặc hữu để thả tái tạo vào vùng nước tự nhiên.

Nghiên cứu xây dựng, hoàn thiện các quy chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế kỹ thuật trong công tác điều tra đánh giá nguồn lợi và môi trường sống của các loài hải sản và trong công tác dự báo nguồn lợi hải sản biển Việt Nam.

Nghiên cứu hoàn thiện phương pháp điều tra đánh giá nguồn lợi và môi trường sống của các loài hải sản, phương pháp dự báo nguồn lợi phù hợp điều kiện Việt Nam.

Đẩy mạnh công tác nghiên cứu ứng dụng công nghệ tiên tiến vào sản xuất vỏ tàu, máy tàu, ngư cụ; thiết bị thông tin, các công cụ, thiết bị phục vụ nuôi trồng, chế biến và dịch vụ nghề cá.

Nghiên cứu hoàn thiện chuyển giao ứng dụng một số công nghệ khai thác hải sản tiên tiến vùng biển xa bờ Việt Nam (lưới vây, câu, chụp, rê).

Nghiên cứu ứng dụng một số công nghệ và thiết bị bảo quản trên tàu cá phù hợp với từng loại nghề khai thác để nâng cao chất lượng sản phẩm, giảm tổn thất sau thu hoạch một số đối tượng chủ lực, đặc sản, có sản lượng lớn ở các vùng biển xa bờ như: cá ngừ đại dương, cá thu, mực đại dương, mực ống, cá nôi nhỏ,...

Nghiên cứu công nghệ chiết xuất một số chất có hoạt tính sinh học cao từ nguồn sinh vật biển phục vụ sản xuất các sản phẩm y dược, mỹ phẩm và chế biến một số sản phẩm giá trị gia tăng phục vụ xuất khẩu và tiêu dùng nội địa.

Nghiên cứu cơ sở khoa học để thành lập và đề xuất giải pháp quản lý một số khu bảo tồn, khu ương dưỡng giống thủy sản tự nhiên.

Nghiên cứu và đề xuất giải pháp kỹ thuật phục hồi một số hệ sinh thái thủy sinh, sinh cảnh, nơi cư trú và tái tạo quần đàn một số loài có nguy cơ tuyệt chủng.

- Về hợp tác quốc tế:

Tiếp tục phát triển các hình thức hợp tác, liên doanh trong các lĩnh vực khai thác, nuôi trồng, cơ khí, hậu cần dịch vụ, chế biến, thương mại thủy sản với các nước trong khu vực và quốc tế.

Tiếp tục đàm phán, hợp tác với các nước trong khu vực về khai thác thủy sản tại các vùng biển chồng lấn, hợp tác khai thác trên vùng biển các nước ASEAN; bảo đảm cho ngư dân tránh trú bão trong vùng biển nước ngoài khi thiên

tai, phối hợp tuần tra kiểm soát chung trên biển, bảo đảm an toàn cho ngư dân hoạt động sản xuất trên biển.

Xây dựng hồ sơ đề xuất các dự án đầu tư ngành thủy sản theo hình thức đối tác công tư (PPP) và công bố kêu gọi đầu tư. Cung cấp đầy đủ, kịp thời về thông tin các dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP), chính sách, thủ tục đầu tư cho các nhà đầu tư, các nhà tài trợ. Xây dựng cơ sở dữ liệu, trang thông tin xúc tiến đầu tư và các chính sách có liên quan đến đầu tư kết cấu hạ tầng thủy sản.

Đẩy mạnh hợp tác với các nước, các tổ chức tài chính quốc tế thu hút thêm nguồn vốn từ bên ngoài để phát triển kết cấu hạ tầng thủy sản. Xây dựng hồ sơ đề xuất, giới thiệu cảng cá động lực thuộc 5 Trung tâm nghề cá lớn tới các nhà đầu tư nước ngoài để thu hút nguồn vốn ODA tham gia đầu tư.

- Về kiểm ngư:

Thực hiện tuần tra, kiểm tra, kiểm soát, thanh tra, điều tra, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực thủy sản, áp dụng các biện pháp ngăn chặn hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật; trong đó ưu tiên tập trung tuần tra tại các vùng biển trọng điểm, vùng biển giáp ranh, chồng lấn với các nước. Ngăn chặn tình trạng tàu cá Việt Nam đi khai thác thủy sản trái phép và ngăn chặn tàu cá nước ngoài khai thác thủy sản trái phép trong vùng biển Việt Nam.

Hoàn thiện về tổ chức, tăng cường năng lực (nguồn nhân lực, trang thiết bị, phương tiện, tàu, xuồng kiểm ngư...) cho lực lượng kiểm ngư từ Trung ương đến địa phương, đảm bảo hoạt động ổn định, hiệu quả.

Tăng cường bảo vệ, hỗ trợ đảm bảo an toàn cho ngư dân hoạt động trên biển. Xây dựng lực lượng kiểm ngư đủ mạnh để bảo vệ nguồn lợi gắn với bảo vệ ngư dân và quốc phòng an ninh trên biển và hải đảo.

Điều động lực lượng phối hợp tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn theo quy định của pháp luật; tham gia công tác phòng, chống thiên tai.

Tham gia bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán của Việt Nam trên các vùng biển theo quy định của pháp luật.

Triển khai các hoạt động hợp tác quốc tế về kiểm ngư.

b) Định hướng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

- Tập trung phát triển nuôi trồng hải sản trên biển, ven biển theo hướng sản xuất hàng hoá, hiện đại, ứng dụng công nghệ cao.

- Ưu tiên chuyển đổi một số nghề khai thác thủy sản có tính hủy diệt nguồn lợi thủy sản, các nghề cấm nhằm giảm cường lực khai thác thủy sản trên các vùng biển; đẩy mạnh phát triển các nghề khai thác hải sản xa bờ, viễn dương theo hướng công nghiệp, gắn khai thác bền vững với bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản; điều chỉnh số lượng tàu cá, sản lượng thủy sản khai thác phù hợp với khả năng cho phép khai thác của nguồn lợi thủy sản trên từng vùng biển hiệu quả, bền vững. Hiện đại hóa công tác quản lý tàu cá, công tác đảm bảo an toàn cho người

và tàu cá, công tác bảo quản sản phẩm sau khai thác với các công nghệ tiên tiến nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế biển, góp phần khẳng định chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc và phù hợp với quy định quốc tế.

- Tiếp tục hình thành hệ thống cơ sở hạ tầng thủy sản đồng bộ, gắn kết các ngành công nghiệp phụ trợ, dịch vụ hậu cần nghề cá, nhằm thúc đẩy tăng trưởng, nâng cao hiệu quả sản xuất các lĩnh vực khai thác, nuôi trồng, chế biến thủy sản và tiêu thụ.

- Xây dựng và vận hành các mô hình tổ chức sản xuất trong nuôi trồng và khai thác hải sản hợp lý; nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, phù hợp với điều kiện của môi trường và nguồn lợi thủy sản; nâng cao mức sống cho cộng đồng ngư dân, góp phần bảo đảm quốc phòng, an ninh trên các vùng biển, hải đảo của Tổ quốc.

- Xây dựng hải đảo thành trạm cung cấp, tiếp tế nhu yếu phẩm, hậu cần khai thác thủy sản, bến bãi neo đậu trong trường hợp có bão biển, cung cấp các nguồn năng lượng và sơ chế hải sản cho tàu cá đánh bắt xa bờ.

- Xây dựng và thực hiện có hiệu quả các đề án, dự án, đề tài, nhiệm vụ điều tra, nghiên cứu khoa học làm cơ sở xác định, đề xuất mở rộng và thành lập mới các khu bảo tồn biển.

- Bảo đảm cơ chế quản lý thống nhất và tăng cường năng lực trong công tác quản lý bảo tồn đa dạng sinh học biển; xây dựng và thực hiện quy chế trao đổi thông tin và phối hợp xây dựng các khu bảo tồn biển liên quốc gia với các nước trong khu vực và các tổ chức quốc tế.

- Triển khai thực hiện quy hoạch tổng thể và quy hoạch chi tiết hệ thống các khu bảo tồn biển, khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản; xây dựng một số công trình hạ tầng thiết yếu và hỗ trợ hoạt động của Ban quản lý khu bảo tồn biển; xây dựng và thực hiện cơ chế, chính sách chuyển đổi nghề, tạo sinh kế cho cộng đồng dân cư sống trong và xung quanh khu bảo tồn biển.

- Tiếp tục thực hiện các chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ phục hồi và phát triển các hệ sinh thái rạn san hô, thảm cỏ biển, đầm phá, bãi triều - cửa sông, rừng ngập mặn, rừng phòng hộ ven biển.

- Đầu tư xây dựng trung tâm cứu hộ động vật biển tại một số khu bảo tồn biển.

- Thống nhất trong công tác quản lý lực lượng Kiểm ngư Việt Nam.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

a) Căn cứ các nhiệm vụ, đề án, dự án được giao trong kế hoạch hành động để triển khai xây dựng nội dung chi tiết và tổ chức thực hiện.

b) Tập trung nguồn lực triển khai thực hiện các nội dung công việc được phân công trong Bảng danh mục đề án, chương trình, dự án, nhiệm vụ kèm theo

trong kế hoạch hành động, đảm bảo chất lượng và tiến độ theo yêu cầu.

c) Định kỳ 6 tháng và cuối năm các cơ quan, đơn vị tiến hành đánh giá, báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (qua Vụ Kế hoạch) kết quả thực hiện, trong đó nêu rõ: việc đã hoàn thành, việc chưa hoàn thành và nguyên nhân. Báo cáo gửi qua đường công văn và qua thư điện tử: longpt.kh@mard.gov.vn trước ngày 20/6 (đối với báo cáo 6 tháng) và trước ngày 5/12 (đối với báo cáo năm) để tổng hợp báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

2. Vụ Kế hoạch:

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức theo dõi, giám sát, đánh giá việc triển khai thực hiện kế hoạch hành động; kịp thời báo cáo và tham mưu cho Lãnh đạo Bộ các giải pháp giải quyết những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện Kế hoạch hành động.

- Chủ trì phối hợp với các đơn vị có liên quan thuộc Bộ tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch hành động theo quy định.

3. Vụ Kế hoạch, Vụ Tài chính phối hợp với các đơn vị có liên quan thuộc Bộ hướng dẫn, bố trí kinh phí từ các nguồn để thực hiện các nhiệm vụ theo quy định./.

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Xuân Cường

Phụ lục

PHÂN CÔNG THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRIỂN KHAI NGHỊ QUYẾT SỐ 26/NQ-CP NGÀY 05/3/2020 CỦA CHÍNH PHỦ BAN HÀNH KẾ HOẠCH TỔNG THỂ VÀ KẾ HOẠCH 5 NĂM CỦA CHÍNH PHỦ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 36-NQ/TW NGÀY 22/10/2018 CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA XII VỀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG KINH TẾ BIỂN VIỆT NAM ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BNN-TCTS ngày tháng năm của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TT	Tên Đề tài, dự án, nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Cấp ban hành
I	Giai đoạn từ năm 2020 - 2025			
1	Tăng cường năng lực thực thi pháp luật thủy sản trên biển của lực	Tổng cục Thủy sản	Các Bộ, ngành và địa phương có liên quan	Thủ tướng Chính phủ
2	Đề án Tổ chức lại hoạt động khai thác thủy sản trên các vùng biển	Tổng cục Thủy sản	Các Bộ, ngành và địa phương có liên quan	Thủ tướng Chính phủ
3	Xây dựng Chiến lược phát triển nuôi biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Tổng cục Thủy sản	Các Bộ, ngành và địa phương liên quan	Thủ tướng Chính phủ
4	Nghiên cứu ứng dụng mô hình Seapodym trong dự báo ngư trường khai thác mực đại dương ở vùng biển Việt Nam	Tổng cục Thủy sản	Các đơn vị có liên quan	Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
5	Đề án truyền thông nâng cao năng lực cộng đồng về bảo tồn biển	Tổng cục Thủy sản	Các đơn vị có liên quan	Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
6	Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu hệ thống khu bảo tồn biển Việt	Tổng cục Thủy sản	Các đơn vị có liên quan	Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
7	Điều chỉnh, bổ sung Đề án nâng cấp, xây dựng mới các hồ chứa nước ngọt và xây dựng hệ thống thủy lợi trên các đảo có đông dân cư	Tổng cục Thủy lợi	Tổng cục Thủy sản; Địa phương các xã, huyện đảo và bãi ngang	Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

TT	Tên Đề tài, dự án, nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Cấp ban hành
8	Nghiên cứu đề xuất giải pháp quản lý, bảo vệ khôi phục và khai thác hợp lý hệ thống cồn cát ven biển miền Trung từ Hà Tĩnh đến Bình Thuận với vai trò là tuyến đê biển tự nhiên, hỗ trợ thực hiện các chương trình nâng cấp đê biển quốc gia	Tổng cục Phòng, chống thiên tai	Các Bộ, ngành và địa phương có liên quan	Quyết định phê duyệt của Thủ tướng
9	Nghiên cứu cải tiến hình học các mặt cắt ngang đê biển đã có và các	Tổng cục Phòng, chống thiên tai	Các Bộ, ngành và địa phương có liên quan	Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp
10	Tổng kết, đánh giá các dạng cấu kiện bảo vệ mái đê biển, đê cửa sông và đề xuất các loại cấu kiện mới để bảo vệ mái đê biển, đê cửa sông	Tổng cục Phòng, chống thiên tai	Các Bộ, ngành và địa phương có liên quan	Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
11	Đề án phòng chống sạt lở bờ sông, bờ biển đến năm 2030	Tổng cục Phòng, chống thiên tai	Các Bộ, ngành và địa phương có liên quan	Thủ tướng Chính phủ
12	Xây dựng và triển khai Quy hoạch Lâm nghiệp Quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050	Tổng cục Lâm nghiệp	Các Bộ, ngành và địa phương có liên quan	Thủ tướng Chính phủ
13	Xây dựng “Đề án bảo vệ và phát triển rừng ven biển ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030”	Tổng cục Lâm nghiệp	Các Bộ, ngành và địa phương có liên quan	Thủ tướng Chính phủ
14	Xây dựng và triển khai quy hoạch Phòng, chống thiên tai và Thủy lợi	Tổng cục Phòng, chống thiên tai	Các Bộ, ngành và địa phương có liên quan	Thủ tướng Chính phủ
15	Dự án khẩn cấp theo dõi, giám sát thời gian phục vụ công tác chỉ đạo điều hành phòng chống thiên tai đối với bão, lũ quét, sạt lở.	Tổng cục Phòng, chống thiên tai	Các Bộ, ngành và địa phương có liên quan	Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
16	Xây dựng chương trình nghiên cứu khoa học, công nghệ cấp quốc gia về bảo vệ bờ biển, đê biển vùng ĐBSCL	Tổng cục Phòng, chống thiên tai	Các Bộ, ngành và địa phương có liên quan	Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
17	Dự án chuyển giao khoa học, công nghệ trong bảo vệ bờ biển, giảm sạt lở và xói lở khu vực ven biển ĐBSCL	Tổng cục Phòng, chống thiên tai	Các Bộ, ngành và địa phương có liên quan	Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
18	Đề án thí điểm nuôi cá biển quy mô công nghiệp giai đoạn 2020-	Tổng cục Thủy sản	Các đơn vị có liên quan	Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

TT	Tên Đề tài, dự án, nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Cấp ban hành
19	Chương trình khoa học công nghệ phát triển giống, công nghệ phụ trợ và chế biến, tiêu thụ sản phẩm nuôi biển	Tổng cục Thủy sản	Các đơn vị có liên quan	Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
20	Đề án phát triển nguồn nhân lực phục vụ nuôi biển	Tổng cục Thủy sản	Các đơn vị có liên quan	Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
21	Chương trình phát triển công nghệ trồng và chế biến rong biển	Tổng cục Thủy sản	Các đơn vị có liên quan	Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
22	Xây dựng và triển khai Quy hoạch bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản	Tổng cục Thủy sản	Các Bộ, ngành và địa phương liên quan	Thủ tướng Chính phủ
23	Xây dựng và triển khai Quy hoạch hệ thống cảng cá, khu neo đậu	Tổng cục Thủy sản	Các Bộ, ngành và địa phương liên quan	Thủ tướng Chính phủ
24	Chương trình điều tra, đánh giá tổng thể nguồn lợi thủy sản và môi trường sống của các loại thủy sản	Tổng cục Thủy sản	Các đơn vị có liên quan	Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
25	Dự án hệ thống theo dõi, giám sát hoạt động tàu cá trên biển (để thực hiện Điều 6 Luật Thủy sản)	Tổng cục Thủy sản	Các Bộ, ngành và địa phương liên quan	Thủ tướng Chính phủ
26	Dự án cơ sở dữ liệu quốc gia về thủy sản (để thực hiện Điều 6, Điều 9 Luật Thủy sản)	Tổng cục Thủy sản	Các đơn vị có liên quan	Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
27	Tiếp tục thực hiện Dự án dự báo ngư trường phục vụ khai thác hải sản	Tổng cục Thủy sản	Các đơn vị có liên quan	Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
28	Dự án chuyển đổi một số nghề khai thác thủy sản khai thác ven bờ, nghề khai thác mang tính tận diệt nguồn lợi thủy sản	Tổng cục Thủy sản	Các Bộ, ngành và địa phương liên quan	Thủ tướng Chính phủ
29	Chương trình khoa học công nghệ khai thác thủy sản, công nghệ bảo quản sản phẩm sau khai thác trên các tàu cá	Tổng cục Thủy sản	Các đơn vị có liên quan	Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
30	Đề án đảm bảo an toàn cho người và tàu cá hoạt động khai thác thủy sản trên biển	Tổng cục Thủy sản	Các Bộ, ngành và địa phương liên quan	Thủ tướng Chính phủ

TT	Tên Đề tài, dự án, nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Cấp ban hành
31	Đề án đào tạo phát triển nguồn nhân lực phục vụ khai thác hải sản	Tổng cục Thủy sản	Các Bộ, ngành và địa phương liên quan	Thủ tướng Chính phủ
32	Nghiên cứu, xây dựng mô hình kiểm soát ô nhiễm từ các hoạt động dịch vụ hậu cần nghề cá (cảng cá, khu chế biến thủy sản..)	Tổng cục Thủy sản	Các đơn vị có liên quan	Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
33	Chương trình quốc gia về bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản	Tổng cục Thủy sản	Các Bộ, ngành và địa phương liên quan	Thủ tướng Chính phủ
34	Đề án thành lập mới các khu bảo tồn biển, phục hồi các hệ sinh thái biển đến năm 2025, để đảm bảo diện tích các khu bảo tồn biển, ven biển đạt 3% diện tích các vùng biển Việt Nam	Tổng cục Thủy sản	Các Bộ, ngành và địa phương liên quan	Thủ tướng Chính phủ
35	Tiếp tục triển khai Đề án thành lập mới các khu bảo tồn biển, phục hồi các hệ sinh thái biển đến năm 2030, để đảm bảo diện tích các khu bảo tồn biển, ven biển đạt 6% diện tích các vùng biển Việt Nam	Tổng cục Thủy sản	Các Bộ, ngành và địa phương liên quan	Thủ tướng Chính phủ
36	Đề án truyền thông nâng cao năng lực cộng đồng về bảo tồn biển	Tổng cục Thủy sản	Các đơn vị có liên quan	Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
37	Dự án xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu hệ thống khu bảo tồn biển	Tổng cục Thủy sản	Các đơn vị có liên quan	Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
38	Kế hoạch và biện pháp quản lý một số loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm	Tổng cục Thủy sản	Các đơn vị có liên quan	Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
39	Dự án điều tra, khảo sát, thu thập, thực hiện bảo tồn, lưu giữ giống gốc của loài thủy sản bản địa, loài thủy sản đặc hữu có giá trị kinh tế, loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm	Tổng cục Thủy sản	Các đơn vị có liên quan	Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
40	Dự án nghiên cứu sinh sản nhân tạo; thả bổ sung một số loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm, loài thủy sản có giá trị kinh tế, khoa học; loài thủy sản bản địa, loài thủy sản đặc hữu vào vùng nước tự nhiên	Tổng cục Thủy sản	Các đơn vị có liên quan	Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

TT	Tên Đề tài, dự án, nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Cấp ban hành
41	Dự án xây dựng, hình thành khu vực cư trú nhân tạo cho loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm, loài thủy sản có giá trị kinh tế, khoa học; loài thủy sản bản địa, loài thủy sản đặc hữu	Tổng cục Thủy sản	Các đơn vị có liên quan	Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
42	Kế hoạch hành động về đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản	Tổng cục Thủy sản	Các đơn vị có liên quan	Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
43	Dự án mở rộng các khu bảo tồn biển, khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản hiện có và các khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản mới	Tổng cục Thủy sản	Các Bộ, ngành và địa phương liên quan	Thủ tướng Chính phủ
44	Đề án thành lập Quỹ bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản	Tổng cục Thủy sản	Các Bộ, ngành và địa phương liên quan	Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
45	Tiếp tục thực hiện Dự án điều tra đánh giá nguồn lợi hải sản (để thực hiện Điều 12 Luật Thủy sản)	Tổng cục Thủy sản	Các đơn vị có liên quan	Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
46	Đề án cấm, hạn chế khai thác thủy sản	Tổng cục Thủy sản	Các Bộ, ngành và địa phương liên quan	Thủ tướng Chính phủ
47	Nghiên cứu, xây dựng mô hình kiểm soát ô nhiễm từ các hoạt động dịch vụ hậu cần nghề cá (cảng cá, khu chế biến thủy sản...)	Tổng cục Thủy sản	Các đơn vị có liên quan	Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
48	Nghiên cứu xây dựng định mức kỹ thuật, định mức kinh tế kỹ thuật trong công tác điều tra đánh giá nguồn lợi, môi trường sống của các loài hải sản và trong công tác dự báo nguồn lợi hải sản biển Việt Nam	Tổng cục Thủy sản	Các đơn vị có liên quan	Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
49	Triển khai Quyết định số 79/QĐ-TTg ngày 18/01/2018 của Thủ tướng Chính phủ về “Kế hoạch hành động quốc gia phát triển ngành tôm Việt Nam đến năm 2025	Tổng cục Thủy sản	Các Bộ ngành và địa phương có liên quan	Thủ tướng Chính phủ
50	Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về sạt lở bờ sông, bờ biển	Tổng cục Phòng, chống thiên tai	Các Bộ, ngành và địa phương liên quan	Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

TT	Tên Đề tài, dự án, nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Cấp ban hành
51	Xây dựng hệ thống quan trắc, giám sát chuyên dùng về biến hình lòng dẫn, đường bờ biển, thủy, hải văn, bùn cát, sạt lở bờ sông, bờ biển phục vụ công tác quản lý	Tổng cục Phòng, chống thiên tai	Các Bộ, ngành và địa phương liên quan	Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
52	Xây dựng quy chế về quản lý và xử lý sạt lở bờ sông, bờ biển	Tổng cục Phòng, chống thiên tai	Các Bộ, ngành và địa phương liên quan	Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
53	Chương trình tổng thể bố trí, sắp xếp dân cư nhằm chủ động phòng, tránh thiên tai	Tổng cục Phòng, chống thiên tai	Các Bộ, ngành và địa phương liên quan	Thủ tướng Chính phủ
II	Giai đoạn từ năm 2026 -2030, tầm nhìn đến năm 2045			
1	Quy hoạch hệ thống đê biển các tỉnh thành phố từ Quảng Ninh đến	Tổng cục Phòng, chống thiên tai	Các địa phương	Thủ tướng Chính phủ
2	Quy hoạch hệ thống đê biển các tỉnh thành phố từ Quảng Ngãi đến	Tổng cục Phòng, chống thiên tai	Các địa phương	Thủ tướng Chính phủ
3	Nghiên cứu khả năng đảm bảo an toàn của hệ thống đê, kè biển và ngập lụt vùng ven biển các tỉnh Bắc Trung Bộ do ảnh hưởng của sóng và nước dâng trong bão mạnh, siêu bão phục vụ công tác quản lý và xây dựng kế hoạch phòng chống rủi ro do thiên tai vùng ven biển	Tổng cục Phòng, chống thiên tai	Các địa phương	Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
4	Chương trình điều tra, đánh giá tổng thể nguồn lợi thủy sản và môi trường sống của các loại thủy sản	Tổng cục Thủy sản	Các đơn vị có liên quan	Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
5	Tiếp tục thực hiện Dự án dự báo ngư trường phục vụ khai thác hải sản	Tổng cục Thủy sản	Các đơn vị có liên quan	Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
6	Tiếp tục thực hiện Dự án chuyển đổi một số nghề khai thác thủy sản khai thác ven bờ, nghề khai thác mang tính tận diệt nguồn lợi thủy sản	Tổng cục Thủy sản	Các Bộ, ngành và địa phương liên quan	Thủ tướng Chính phủ

TT	Tên Đề tài, dự án, nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Cấp ban hành
7	Tiếp tục thực hiện Chương trình quốc gia về bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản	Tổng cục Thủy sản	Các Bộ, ngành và địa phương liên quan	Thủ tướng Chính phủ
8	Tiếp tục thực hiện Dự án nghiên cứu sinh sản nhân tạo; thả bổ sung một số loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm, loài thủy sản có giá trị kinh tế, khoa học; loài thủy sản bản địa, loài thủy sản đặc hữu vào vùng nước tự nhiên	Tổng cục Thủy sản	Các đơn vị có liên quan	Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Phụ lục

PHÂN CÔNG THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRIỂN KHAI NGHỊ QUYẾT SỐ 26/NQ-CP NGÀY 05/3/2020 CỦA CHÍNH PHỦ BAN HÀNH KẾ HOẠCH TỔNG THỂ VÀ KẾ HOẠCH 5 NĂM CỦA CHÍNH PHỦ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 36-NQ/TW NGÀY 22/10/2018 CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA XII VỀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG KINH TẾ BIỂN VIỆT NAM ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BNN-TCTS ngày tháng năm của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TT	Tên Đề tài, dự án, nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Cấp ban hành
I	Giai đoạn từ năm 2020 - 2025			
1	Tăng cường năng lực thực thi pháp luật thủy sản trên biển của lực	Tổng cục Thủy sản	Các Bộ, ngành và địa phương có liên quan	Thủ tướng Chính phủ
2	Đề án Tổ chức lại hoạt động khai thác thủy sản trên các vùng biển	Tổng cục Thủy sản	Các Bộ, ngành và địa phương có liên quan	Thủ tướng Chính phủ
3	Xây dựng Chiến lược phát triển nuôi biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Tổng cục Thủy sản	Các Bộ, ngành và địa phương liên quan	Thủ tướng Chính phủ
4	Nghiên cứu ứng dụng mô hình Seapodym trong dự báo ngư trường khai thác mực đại dương ở vùng biển Việt Nam	Tổng cục Thủy sản	Các đơn vị có liên quan	Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
5	Đề án truyền thông nâng cao năng lực cộng đồng về bảo tồn biển	Tổng cục Thủy sản	Các đơn vị có liên quan	Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
6	Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu hệ thống khu bảo tồn biển Việt	Tổng cục Thủy sản	Các đơn vị có liên quan	Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
7	Điều chỉnh, bổ sung Đề án nâng cấp, xây dựng mới các hồ chứa nước ngọt và xây dựng hệ thống thủy lợi trên các đảo có đông dân cư	Tổng cục Thủy lợi	Tổng cục Thủy sản; Địa phương các xã, huyện đảo và bãi ngang	Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

TT	Tên Đề tài, dự án, nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Cấp ban hành
8	Nghiên cứu đề xuất giải pháp quản lý, bảo vệ khôi phục và khai thác hợp lý hệ thống cồn cát ven biển miền Trung từ Hà Tĩnh đến Bình Thuận với vai trò là tuyến đê biển tự nhiên, hỗ trợ thực hiện các chương trình nâng cấp đê biển quốc gia	Tổng cục Phòng, chống thiên tai	Các Bộ, ngành và địa phương có liên quan	Quyết định phê duyệt của Thủ tướng
9	Nghiên cứu cải tiến hình học các mặt cắt ngang đê biển đã có và các	Tổng cục Phòng, chống thiên tai	Các Bộ, ngành và địa phương có liên quan	Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp
10	Tổng kết, đánh giá các dạng cấu kiện bảo vệ mái đê biển, đê cửa sông và đề xuất các loại cấu kiện mới để bảo vệ mái đê biển, đê cửa sông	Tổng cục Phòng, chống thiên tai	Các Bộ, ngành và địa phương có liên quan	Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
11	Đề án phòng chống sạt lở bờ sông, bờ biển đến năm 2030	Tổng cục Phòng, chống thiên tai	Các Bộ, ngành và địa phương có liên quan	Thủ tướng Chính phủ
12	Xây dựng và triển khai Quy hoạch Lâm nghiệp Quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050	Tổng cục Lâm nghiệp	Các Bộ, ngành và địa phương có liên quan	Thủ tướng Chính phủ
13	Xây dựng “Đề án bảo vệ và phát triển rừng ven biển ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030”	Tổng cục Lâm nghiệp	Các Bộ, ngành và địa phương có liên quan	Thủ tướng Chính phủ
14	Xây dựng và triển khai quy hoạch Phòng, chống thiên tai và Thủy lợi	Tổng cục Phòng, chống thiên tai	Các Bộ, ngành và địa phương có liên quan	Thủ tướng Chính phủ
15	Dự án khẩn cấp theo dõi, giám sát thời gian phục vụ công tác chỉ đạo điều hành phòng chống thiên tai đối với bão, lũ quét, sạt lở.	Tổng cục Phòng, chống thiên tai	Các Bộ, ngành và địa phương có liên quan	Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
16	Xây dựng chương trình nghiên cứu khoa học, công nghệ cấp quốc gia về bảo vệ bờ biển, đê biển vùng ĐBSCL	Tổng cục Phòng, chống thiên tai	Các Bộ, ngành và địa phương có liên quan	Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
17	Dự án chuyển giao khoa học, công nghệ trong bảo vệ bờ biển, giảm sạt lở và xói lở khu vực ven biển ĐBSCL	Tổng cục Phòng, chống thiên tai	Các Bộ, ngành và địa phương có liên quan	Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
18	Đề án thí điểm nuôi cá biển quy mô công nghiệp giai đoạn 2020-	Tổng cục Thủy sản	Các đơn vị có liên quan	Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

TT	Tên Đề tài, dự án, nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Cấp ban hành
19	Chương trình khoa học công nghệ phát triển giống, công nghệ phụ trợ và chế biến, tiêu thụ sản phẩm nuôi biển	Tổng cục Thủy sản	Các đơn vị có liên quan	Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
20	Đề án phát triển nguồn nhân lực phục vụ nuôi biển	Tổng cục Thủy sản	Các đơn vị có liên quan	Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
21	Chương trình phát triển công nghệ trồng và chế biến rong biển	Tổng cục Thủy sản	Các đơn vị có liên quan	Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
22	Xây dựng và triển khai Quy hoạch bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản	Tổng cục Thủy sản	Các Bộ, ngành và địa phương liên quan	Thủ tướng Chính phủ
23	Xây dựng và triển khai Quy hoạch hệ thống cảng cá, khu neo đậu	Tổng cục Thủy sản	Các Bộ, ngành và địa phương liên quan	Thủ tướng Chính phủ
24	Chương trình điều tra, đánh giá tổng thể nguồn lợi thủy sản và môi trường sống của các loại thủy sản	Tổng cục Thủy sản	Các đơn vị có liên quan	Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
25	Dự án hệ thống theo dõi, giám sát hoạt động tàu cá trên biển (để thực hiện Điều 6 Luật Thủy sản)	Tổng cục Thủy sản	Các Bộ, ngành và địa phương liên quan	Thủ tướng Chính phủ
26	Dự án cơ sở dữ liệu quốc gia về thủy sản (để thực hiện Điều 6, Điều 9 Luật Thủy sản)	Tổng cục Thủy sản	Các đơn vị có liên quan	Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
27	Tiếp tục thực hiện Dự án dự báo ngư trường phục vụ khai thác hải sản	Tổng cục Thủy sản	Các đơn vị có liên quan	Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
28	Dự án chuyển đổi một số nghề khai thác thủy sản khai thác ven bờ, nghề khai thác mang tính tận diệt nguồn lợi thủy sản	Tổng cục Thủy sản	Các Bộ, ngành và địa phương liên quan	Thủ tướng Chính phủ
29	Chương trình khoa học công nghệ khai thác thủy sản, công nghệ bảo quản sản phẩm sau khai thác trên các tàu cá	Tổng cục Thủy sản	Các đơn vị có liên quan	Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
30	Đề án đảm bảo an toàn cho người và tàu cá hoạt động khai thác thủy sản trên biển	Tổng cục Thủy sản	Các Bộ, ngành và địa phương liên quan	Thủ tướng Chính phủ

TT	Tên Đề tài, dự án, nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Cấp ban hành
31	Đề án đào tạo phát triển nguồn nhân lực phục vụ khai thác hải sản	Tổng cục Thủy sản	Các Bộ, ngành và địa phương liên quan	Thủ tướng Chính phủ
32	Nghiên cứu, xây dựng mô hình kiểm soát ô nhiễm từ các hoạt động dịch vụ hậu cần nghề cá (cảng cá, khu chế biến thủy sản..)	Tổng cục Thủy sản	Các đơn vị có liên quan	Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
33	Chương trình quốc gia về bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản	Tổng cục Thủy sản	Các Bộ, ngành và địa phương liên quan	Thủ tướng Chính phủ
34	Đề án thành lập mới các khu bảo tồn biển, phục hồi các hệ sinh thái biển đến năm 2025, để đảm bảo diện tích các khu bảo tồn biển, ven biển đạt 3% diện tích các vùng biển Việt Nam	Tổng cục Thủy sản	Các Bộ, ngành và địa phương liên quan	Thủ tướng Chính phủ
35	Tiếp tục triển khai Đề án thành lập mới các khu bảo tồn biển, phục hồi các hệ sinh thái biển đến năm 2030, để đảm bảo diện tích các khu bảo tồn biển, ven biển đạt 6% diện tích các vùng biển Việt Nam	Tổng cục Thủy sản	Các Bộ, ngành và địa phương liên quan	Thủ tướng Chính phủ
36	Đề án truyền thông nâng cao năng lực cộng đồng về bảo tồn biển	Tổng cục Thủy sản	Các đơn vị có liên quan	Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
37	Dự án xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu hệ thống khu bảo tồn biển	Tổng cục Thủy sản	Các đơn vị có liên quan	Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
38	Kế hoạch và biện pháp quản lý một số loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm	Tổng cục Thủy sản	Các đơn vị có liên quan	Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
39	Dự án điều tra, khảo sát, thu thập, thực hiện bảo tồn, lưu giữ giống gốc của loài thủy sản bản địa, loài thủy sản đặc hữu có giá trị kinh tế, loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm	Tổng cục Thủy sản	Các đơn vị có liên quan	Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
40	Dự án nghiên cứu sinh sản nhân tạo; thả bổ sung một số loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm, loài thủy sản có giá trị kinh tế, khoa học; loài thủy sản bản địa, loài thủy sản đặc hữu vào vùng nước tự nhiên	Tổng cục Thủy sản	Các đơn vị có liên quan	Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

TT	Tên Đề tài, dự án, nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Cấp ban hành
41	Dự án xây dựng, hình thành khu vực cư trú nhân tạo cho loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm, loài thủy sản có giá trị kinh tế, khoa học; loài thủy sản bản địa, loài thủy sản đặc hữu	Tổng cục Thủy sản	Các đơn vị có liên quan	Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
42	Kế hoạch hành động về đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản	Tổng cục Thủy sản	Các đơn vị có liên quan	Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
43	Dự án mở rộng các khu bảo tồn biển, khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản hiện có và các khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản mới	Tổng cục Thủy sản	Các Bộ, ngành và địa phương liên quan	Thủ tướng Chính phủ
44	Đề án thành lập Quỹ bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản	Tổng cục Thủy sản	Các Bộ, ngành và địa phương liên quan	Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
45	Tiếp tục thực hiện Dự án điều tra đánh giá nguồn lợi hải sản (để thực hiện Điều 12 Luật Thủy sản)	Tổng cục Thủy sản	Các đơn vị có liên quan	Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
46	Đề án cấm, hạn chế khai thác thủy sản	Tổng cục Thủy sản	Các Bộ, ngành và địa phương liên quan	Thủ tướng Chính phủ
47	Nghiên cứu, xây dựng mô hình kiểm soát ô nhiễm từ các hoạt động dịch vụ hậu cần nghề cá (cảng cá, khu chế biến thủy sản...)	Tổng cục Thủy sản	Các đơn vị có liên quan	Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
48	Nghiên cứu xây dựng định mức kỹ thuật, định mức kinh tế kỹ thuật trong công tác điều tra đánh giá nguồn lợi, môi trường sống của các loài hải sản và trong công tác dự báo nguồn lợi hải sản biển Việt Nam	Tổng cục Thủy sản	Các đơn vị có liên quan	Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
49	Triển khai Quyết định số 79/QĐ-TTg ngày 18/01/2018 của Thủ tướng Chính phủ về “Kế hoạch hành động quốc gia phát triển ngành tôm Việt Nam đến năm 2025	Tổng cục Thủy sản	Các Bộ ngành và địa phương có liên quan	Thủ tướng Chính phủ
50	Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về sạt lở bờ sông, bờ biển	Tổng cục Phòng, chống thiên tai	Các Bộ, ngành và địa phương liên quan	Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

TT	Tên Đề tài, dự án, nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Cấp ban hành
51	Xây dựng hệ thống quan trắc, giám sát chuyên dùng về biến hình lòng dẫn, đường bờ biển, thủy, hải văn, bùn cát, sạt lở bờ sông, bờ biển phục vụ công tác quản lý	Tổng cục Phòng, chống thiên tai	Các Bộ, ngành và địa phương liên quan	Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
52	Xây dựng quy chế về quản lý và xử lý sạt lở bờ sông, bờ biển	Tổng cục Phòng, chống thiên tai	Các Bộ, ngành và địa phương liên quan	Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
53	Chương trình tổng thể bố trí, sắp xếp dân cư nhằm chủ động phòng, tránh thiên tai	Tổng cục Phòng, chống thiên tai	Các Bộ, ngành và địa phương liên quan	Thủ tướng Chính phủ
II	Giai đoạn từ năm 2026 -2030, tầm nhìn đến năm 2045			
1	Quy hoạch hệ thống đê biển các tỉnh thành phố từ Quảng Ninh đến	Tổng cục Phòng, chống thiên tai	Các địa phương	Thủ tướng Chính phủ
2	Quy hoạch hệ thống đê biển các tỉnh thành phố từ Quảng Ngãi đến	Tổng cục Phòng, chống thiên tai	Các địa phương	Thủ tướng Chính phủ
3	Nghiên cứu khả năng đảm bảo an toàn của hệ thống đê, kè biển và ngập lụt vùng ven biển các tỉnh Bắc Trung Bộ do ảnh hưởng của sóng và nước dâng trong bão mạnh, siêu bão phục vụ công tác quản lý và xây dựng kế hoạch phòng chống rủi ro do thiên tai vùng ven biển	Tổng cục Phòng, chống thiên tai	Các địa phương	Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
4	Chương trình điều tra, đánh giá tổng thể nguồn lợi thủy sản và môi trường sống của các loại thủy sản	Tổng cục Thủy sản	Các đơn vị có liên quan	Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
5	Tiếp tục thực hiện Dự án dự báo ngư trường phục vụ khai thác hải sản	Tổng cục Thủy sản	Các đơn vị có liên quan	Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
6	Tiếp tục thực hiện Dự án chuyển đổi một số nghề khai thác thủy sản khai thác ven bờ, nghề khai thác mang tính tận diệt nguồn lợi thủy sản	Tổng cục Thủy sản	Các Bộ, ngành và địa phương liên quan	Thủ tướng Chính phủ

TT	Tên Đề tài, dự án, nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Cấp ban hành
7	Tiếp tục thực hiện Chương trình quốc gia về bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản	Tổng cục Thủy sản	Các Bộ, ngành và địa phương liên quan	Thủ tướng Chính phủ
8	Tiếp tục thực hiện Dự án nghiên cứu sinh sản nhân tạo; thả bổ sung một số loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm, loài thủy sản có giá trị kinh tế, khoa học; loài thủy sản bản địa, loài thủy sản đặc hữu vào vùng nước tự nhiên	Tổng cục Thủy sản	Các đơn vị có liên quan	Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn